

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Số: ~~1577~~ /BVUBĐN- VTTBYT

Về việc mời chào giá cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trang thiết bị nội soi chẩn đoán và giải phẫu bệnh cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đà Nẵng, ngày ~~18~~ tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng có nhu cầu nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trang thiết bị nội soi chẩn đoán và giải phẫu bệnh cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng. Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng trân trọng kính mời các Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn tham gia chào giá, với các nội dung như sau:

1. Nội dung chào giá chi tiết *theo Phụ lục 01 đính kèm*. Chi tiết danh mục hàng hóa cụ thể *theo Phụ lục 02 đính kèm*. Cấu hình, tính năng kỹ thuật của thiết bị *theo Phụ lục 03 đính kèm*

2. Thời gian tham gia chào giá: **Từ ngày 19/11/2024 đến hết ngày 29/11/2024**. Hết thời hạn nêu trên tất cả các thư chào giá gửi đến bệnh viện không có hiệu lực. Nhà thầu tham dự phải thực hiện tất cả các nhiệm vụ cho 01 gói thầu.

3. Địa điểm nhận báo giá: Phòng Vật tư Thiết bị y tế, Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng; Điện thoại: 0236.3.717.142 Địa chỉ: Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28 Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng.

4. Hồ sơ chào giá phải cung cấp tối thiểu các nội dung chính như sau:

- Bảng chào giá dịch vụ (theo mẫu tại phụ lục 04 đính kèm);
- Bảng chào giá (bản giấy) phải được đại diện của nhà thầu ký tên và đóng dấu; ghi rõ ngày/ tháng/ năm báo giá (đóng dấu giáp lai nếu có nhiều tờ), Báo giá phải có hiệu lực chào giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày chào giá.

- Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT, phí, lệ phí (nếu có) và các chi phí khác có liên quan.



- Hồ sơ năng lực chứng minh công ty có chức năng trong công tác tư vấn đấu thầu:

+ Ít nhất 01 hợp đồng tương tự tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu về mua sắm vật tư, thiết bị y tế, hóa chất đã thực hiện của đơn vị.

+ Hồ sơ nhân sự: Có ít nhất 3 tư vấn viên đáp ứng yêu cầu tại Điều 19 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

+ Các hồ sơ khác có liên quan.

* Lưu ý: Các đơn vị tham gia chào giá phải đảm bảo tính độc lập, không có mối quan hệ với nhau và chịu trách nhiệm về tính pháp lý các thông tin và tài liệu cung cấp cho Bệnh viện kèm theo bảng báo giá theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024.

5. Hồ sơ chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung: Cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trang thiết bị nội soi chẩn đoán và giải phẫu bệnh cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng.

6. Thư chào giá của các Nhà thầu sẽ là căn cứ để bên mời chào giá thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu. Bên chào giá đồng ý cho bên mời chào giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ thư chào giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng trên Website;
- Lưu: VT, VTTBYT, Bên mời thầu.



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC 01
Danh mục dịch vụ đề nghị chào giá

(Đính kèm Công văn số 1577 /BVUBĐN-VTTBYT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)



STT	Tên dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Nội dung yêu cầu	Ghi chú
1	Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trang thiết bị nội soi chẩn đoán và giải phẫu bệnh cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng.	Gói	01	- Tư vấn thẩm định E- HSMT: Thẩm định E- HSMT, Lập báo cáo thẩm định, xử lý các tình huống... - Tư vấn Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, Lập báo cáo thẩm định, xử lý các tình huống.... - Giá trị gói thầu: 11.404.773.500 đồng. - Khối lượng công việc gồm 03 phần (lô). - Hình thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi qua mạng - Phương thức LCNT: Một giai đoạn một túi hồ sơ.	

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số **1577** /BVUBĐN-VTTBYT ngày **18** tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

STT	Tên chủ đầu tư ⁽²⁾	Tên gói thầu ⁽³⁾		Giá gói thầu (VNĐ) ⁽⁴⁾	Nguồn vốn ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁶⁾	Phương thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁷⁾	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁸⁾	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁹⁾	Loại hợp đồng ⁽¹⁰⁾	Thời gian thực hiện gói thầu ⁽¹¹⁾	Tùy chọn mua thêm ⁽¹²⁾	Giám sát hoạt động đấu thầu ⁽¹³⁾
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Mua sắm trang thiết bị nội soi chẩn đoán và giải phẫu bệnh cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị y tế. Gói thầu gồm 03 phần (lô)	11.404.773.500	Từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đấu thầu rộng rãi qua mạng, trong nước.	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	150 ngày	Quý IV năm 2024	Hợp đồng trọn gói	120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng giá trị gói thầu						11.404.773.500 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm đồng)							

Phụ lục 03

CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT THIẾT BỊ

(Đính kèm Công văn số 1577 /BVUBĐN-VTTBYT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

1/ HỆ THỐNG NỘI SOI TIÊU HÓA (DẠ DÀY-ĐẠI TRÀNG)

STT	NỘI DUNG
	HỆ THỐNG NỘI SOI TIÊU HÓA (DẠ DÀY-ĐẠI TRÀNG)
I	Yêu cầu chung
1	Năm sản xuất: 2024 trở về sau
2	Tiêu chuẩn sản xuất: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương
3	Xuất xứ máy chính: Việt Nam, các nước công nghiệp phát triển G7
4	Nguồn điện sử dụng: 200V- 240V; 50/60Hz
5	<u>Nhập khẩu theo quy định của Thông tư 30/2015/TT-BYT của Bộ Y Tế; Nghị định 98/2021 ND-CP của Chính phủ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các qui định hiện hành đối với thiết bị nhập khẩu</u>
II	Yêu cầu cấu hình
	HT Nội soi tiêu hóa (Dạ Dày – Đại tràng) kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
	Tên thiết bị
1	Bộ xử lý hình ảnh: 01 Bộ
2	Nguồn sáng xenon 300W hoặc LED: 01Cái
3	Ống soi dạ dày thế hệ video có tính năng tiêu cự kép hoặc khuếch đại, có tính năng chẩn đoán ung thư sớm: 01 Ống
4	Ống soi đại tràng thế hệ video: 01 Ống
5	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ: 01Cái
6	Máy hút dịch: 01 Máy
7	Màn hình LCD y tế chuyên dụng: 01 Cái
8	Xe đẩy cho hệ thống nội soi: 01 Cái
9	Máy cắt đốt (Dao mổ điện cao tần):01 Cái
10	Hệ thống máy vi tính + máy in phun màu + Phần mềm in trả kết quả bệnh nhân: 01 Bộ
11	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 Bộ
III	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật
1	Bộ xử lý hình ảnh:

STT	NỘI DUNG
	Bộ xử lý hình ảnh tích hợp/ kết hợp nguồn sáng hoặc tương đương
	Độ phân giải HDTV hoặc tốt hơn
	Có khả năng chiếu sáng với bước sóng ngắn hoặc bước sóng ở dải băng hẹp hoặc tương đương hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.
	Tương thích với các ống soi thể hệ video sử dụng chip CCD hoặc CMOS
	Tương thích với nguồn sáng xenon hoặc nguồn sáng LED hoặc tương đương
	Có thể dùng cho nhiều loại ống soi khác nhau: ống soi tiêu hóa, ống soi Tai – Mũi – Họng, ống soi khí phế quản
	Chức năng dừng hình ảnh trước tự động chọn lựa hình ảnh rõ nét nhất từ loạt hình ảnh được chụp trong khoảng thời gian đã thiết lập.
	Có hỗ trợ tính năng lấy tiêu cự kép hoặc khuếch đại hoặc tương đương để tối ưu chất lượng hình ảnh.
	Hỗ trợ chức năng định vị ống soi cung cấp hiển thị trực quan 3D thời gian thực để xác định hình dạng và vị trí của ống soi
	Có khả năng tái tạo hoặc điều chỉnh màu, giảm nhiễu và giảm quang sáng trên hình ảnh.
	Kết hợp với thiết bị định vị ống soi cho độ phóng đại lên đến 3.0 hoặc tương đương
	Ngõ ra 4:3 hoặc 5:4, 16:9 và/hoặc 16:10 cho màn hình HDTV
	Có chức năng hiển thị hình trong hình, hình ngoài hình
	Tương thích với bộ nhớ di động USB để lưu trữ dữ liệu.
	Tín hiệu đầu ra analog tối thiểu có: Phức hợp VBS hoặc tương đương, các đầu ra có thể sử dụng đồng thời
	Tín hiệu đầu ra kỹ thuật số tối thiểu có: HD-SDI, DVI hoặc tương đương
	Có chức năng điều chỉnh tông màu
	Điều chỉnh độ lợi sáng tự động: Hình ảnh có thể được tự động tăng độ sáng khi ánh sáng không đủ do đầu của ống soi quá xa điểm cần quan sát.
	Độ tương phản: ≥ 3 chế độ
	Có chế độ giảm nhiễu hình ảnh
	Hiệu chỉnh ánh sáng tự động: ≥ 3 chế độ: Tự động, Đỉnh, Trung bình.
	Cài đặt tăng cường hình ảnh ở chế độ ánh sáng trắng gồm ≥ 2 loại
	Có chức năng chống động sương
2	Nguồn sáng
	Có khả năng chiếu sáng với bước sóng ngắn hoặc bước sóng ở dải băng hẹp hoặc tương đương hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.

STT	NỘI DUNG
	Ánh sáng tự động điều chỉnh để đạt được sự chiếu sáng lý tưởng cho việc quan sát với từng ống soi.
	Bóng đèn xenon $\geq 300W$ hoặc Đèn LED có giá trị cường độ chiếu sáng trung bình khoảng $\geq 4000mW$
	Tuổi thọ trung bình của bóng đèn: ≥ 500 giờ chiếu sáng liên tục (đối với bóng xenon) hoặc ≥ 5 năm đối với đèn LED
	Có khả năng điều chỉnh độ sáng
	Làm mát bằng quạt
	Cường độ ánh sáng: Có ≥ 2 chế độ
	Đèn dự phòng: có bóng đèn dự phòng đối với nguồn sáng sử dụng đèn xenon
	Có phương thức điều chỉnh độ sáng
3	Ống soi dạ dày thế hệ video có tính năng tiêu cự kép hoặc khuếch đại, có tính năng chẩn đoán ung thư sớm
	Độ phân giải HDTV hoặc tương đương
	Tương thích với bộ xử lý có trang bị màng lọc dải băng hẹp hoặc phổ màu linh hoạt đa băng tần
	Có tính năng lấy tiêu cự kép hoặc phóng đại ≥ 2 lần
	Có khả năng chiếu sáng với bước sóng ở dải băng hẹp hoặc bước sóng ngắn cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.
	Có hỗ trợ chức năng dừng hình ảnh trước tự động chọn lựa hình ảnh rõ nét nhất từ loạt hình ảnh được chụp trong khoảng thời gian đã thiết lập.
	Có kênh nước phụ giúp phun rửa các dịch nhầy giúp cho trường nhìn luôn rõ ràng
	Ống soi có khả năng chống thấm nước
	Sử dụng chip thu hình CCD hoặc tương đương
	Có chip nhận dạng tần số vô tuyến điện hoặc tương đương để thể hiện thông tin ống soi
	Trường nhìn cho chế độ tiêu cự thường $\geq 140^\circ$
	Hướng quan sát: 0° (hướng nhìn thẳng)
	Độ sâu của trường nhìn cho tiêu cự thường: khoảng từ $\leq 5 - \geq 100$ mm
	Đường kính ngoài đầu cuối ống soi ≤ 10 mm
	Đường kính ngoài của thân ống soi ≤ 10 mm
	Đường kính bên trong kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm
	Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy: ≤ 3 mm

STT	NỘI DUNG
	Đầu cuối ống soi ≥ 6 thành phần, tối thiểu có: 1 kênh khí/nước, 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ và 1 kênh nước phụ
	Độ uốn cong của đầu ống soi:
	- Hướng lên $\geq 210^\circ$
	- Hướng xuống $\geq 90^\circ$
	- Hướng phải $\geq 100^\circ$
	- Hướng trái $\geq 100^\circ$
	Chiều dài làm việc: ≥ 1000 mm
	Chiều dài tổng: ≥ 1300 mm
4	Ống soi đại tràng thế hệ video
	Độ phân giải: HD hoặc tốt hơn
	Có hỗ trợ chức năng dừng hình ảnh trước tự động chọn lựa hình ảnh rõ nét nhất từ loạt hình ảnh được chụp trong khoảng thời gian đã thiết lập.
	Chức năng quan sát gần cho phép quan sát hình ảnh với kích thước lớn và cận cảnh thông qua việc di chuyển ống soi đến gần niêm mạc đến ≤ 2 mm
	Ống soi có khả năng chống thấm nước mà không cần dùng nắp chống nước để tránh những hư hỏng do ngâm rửa ống soi.
	Có khả năng uốn cong ống soi hoặc thiết kế có tính năng tương đương
	Có kênh nước phụ
	Trường nhìn: $\geq 140^\circ$
	Hướng quan sát: 0° (hướng nhìn thẳng)
	Độ sâu của trường nhìn: khoảng từ ≤ 2 mm đến ≥ 100 mm
	Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: ≤ 12.8 mm
	Đường kính ngoài của thân ống soi: ≤ 12.8 mm
	Đường kính kênh dụng cụ: ≥ 3.7 mm
	Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy: ≤ 5.0 mm
	Có ≥ 5 kênh, tối thiểu có: Kênh dụng cụ (01 kênh), kênh dẫn sáng (02 kênh), Kênh khí nước (01 kênh), Kênh nước phụ (01 kênh)
	Độ uốn cong của đầu ống soi:
	- Hướng lên: $\geq 180^\circ$
	- Hướng xuống: $\geq 180^\circ$
	- Hướng phải: $\geq 160^\circ$
	- Hướng trái: $\geq 160^\circ$
	Chiều dài làm việc: ≥ 1300 mm

STT	NỘI DUNG
	Chiều dài tổng: ≥ 1600 mm
5	Màn hình y tế chuyên dụng:
	Kích thước: ≥ 24 inches
	Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh (full HD hoặc tương đương)
	Tỉ lệ màn hình: 16:9 hoặc tương đương
	Tín hiệu ngõ vào: DVI-D, HD/SD-SDI, RGB/Composite, Y/C, BNC hoặc tương đương
	Ngõ ra: DVI-D, DC 5 V hoặc tương đương
6	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ:
	Tương thích với loại nguồn sáng có bơm hơi gắn sẵn trong máy
	Kết nối trực tiếp ống soi và nguồn sáng
	Sử dụng nguồn hơi trực tiếp từ nguồn sáng tích hợp bơm khí/nước
7	Máy hút dịch:
	Ống hút dịch có thể tiệt trùng được
	Bình chứa dịch có thể tiệt trùng được với van chống tràn.
	Dây điều chỉnh chân không tối đa: ≥ -0.90 Bar/ -90 kPa/ -675 mmHg
	Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa: ≥ 40 lít/phút
	Tổng dung tích bình chứa: ≥ 4 lít
	Độ ồn: ≤ 65 dB
	Chu kỳ thời gian làm việc: Hoạt động liên tục, không ngừng
8	Máy cắt đốt:
	- Chế độ cắt:
	+ Cắt thông thường: Gồm có cắt đơn cực và cắt lưỡng cực:
	* Đơn cực: Có ≥ 3 mức độ. Có thể cài đặt các mức công suất khác nhau ở các chế độ cắt; công suất ≥ 120 W; trở kháng $\geq 500\Omega$.
	* Chế độ cắt lưỡng cực: Có ≥ 3 mức độ. Có thể cài đặt các mức công suất khác nhau ở các chế độ cắt; công suất ≥ 100 W; trở kháng $\geq 500\Omega$
	* Cắt xung: Vừa cắt vừa cầm máu
	- Chế độ cầm máu ≥ 2 chế độ
IV	Yêu cầu khác
1	Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất

STT	NỘI DUNG
3	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu
4	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất.
5	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 24 - 48 giờ.
6	Cam kết cung cấp đầy đủ giấy tờ xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice, Packing list, tờ khai hải quan và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị nhập khẩu. Giấy chứng nhận chất lượng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị sản xuất trong nước
7	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 8 năm sau thời gian nghiệm thu
8	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn cho thiết bị hoạt động bình thường
9	Cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật của thiết bị bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt

2/ HỆ THỐNG NỘI SOI TIÊU HÓA (DẠ DÀY-ĐẠI TRÀNG)

STT	NỘI DUNG
	HỆ THỐNG NỘI SOI TIÊU HÓA (DẠ DÀY-ĐẠI TRÀNG)
I	Yêu cầu chung
1	Năm sản xuất: 2024 trở về sau
2	Tiêu chuẩn sản xuất: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương
3	Xuất xứ máy chính: Việt Nam, các nước công nghiệp phát triển G7
4	Nguồn điện sử dụng: 200V- 240V; 50/60Hz
5	<u>Nhập khẩu theo qui định của Thông tư 30/2015/TT-BYT của Bộ Y Tế; Nghị định 98/2021 ND-CP của Chính phủ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các qui định hiện hành đối với thiết bị nhập khẩu</u>
II	Yêu cầu cấu hình
	HT Nội soi tiêu hóa (Dạ Dày – Đại tràng) kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
	Tên thiết bị
1	Bộ xử lý hình ảnh tích hợp/ kết hợp nguồn sáng hoặc tương đương: 01 Bộ
2	Ống soi dạ dày thế hệ video có tính năng tiêu cự kép hoặc khuếch đại, có tính năng chẩn đoán ung thư sớm: 01 Ống
3	Ống soi đại tràng thế hệ video có tính năng tiêu cự kép hoặc khuếch đại, có tính

STT	NỘI DUNG
	năng chẩn đoán ung thư sớm: 01 Ống
4	Màn hình LCD y tế chuyên dụng: 01 Cái
5	Máy hút dịch: 01 Máy
6	Xe đẩy cho hệ thống nội soi: 01 Cái
7	Hệ thống máy vi tính + máy in phun màu + Phần mềm in trả kết quả bệnh nhân: 01 Bộ
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 Bộ
III	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật
1	Bộ xử lý hình ảnh:
	Bộ xử lý tích hợp/ kết hợp nguồn sáng hoặc tương đương
	Có khả năng chiếu sáng với bước sóng ngắn hoặc bước sóng ở dải băng hẹp hoặc tương đương hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.
	Có chức năng nhuộm màu huỳnh quang tự động hoặc tương đương
	Có chức năng phát hiện các mạch máu sâu và điểm chảy máu bằng cách dùng bước sóng ánh sáng màu
	Điều chỉnh tông màu: Đỏ, xanh, chroma
	Có khả năng tương thích với thiết bị sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ phát hiện, xác định tính chất và giai đoạn tổn thương
	Có chức năng mở rộng độ sâu trường nhìn. Có thể kết hợp với tính năng tiêu cự kép để đạt hình ảnh có độ phóng đại cao.
	Có khả năng cung cấp hình ảnh với độ phân giải 4K
	Chức năng dừng hình trước bằng cách phân tích các hình ảnh trước đó để chọn ra hình ảnh rõ nét
	Có thể thực hiện chức năng lấy tiêu cự kép: tiêu cự thường và tiêu cự gần hoặc tương đương
	Hỗ trợ chức năng định vị ống soi cung cấp hiển thị trực quan 3D thời gian thực để xác định hình dạng và vị trí của ống soi
	Có chức năng hiển thị hình trong hình, hình ngoài hình
	Tín hiệu đầu ra analog tối thiểu có: Phức hợp VBS hoặc tương đương, các đầu ra có thể sử dụng đồng thời
	Tín hiệu đầu ra kỹ thuật số tối thiểu có: HD-SDI hoặc DVI hoặc tương đương
	Có khả năng điều chỉnh độ lợi sáng tự động: Hình ảnh có thể được tự động tăng độ sáng khi ánh sáng không đủ do đầu của ống soi quá xa điểm cần quan sát.
	Hiệu chỉnh ánh sáng tự động: ≥ 3 chế độ: Tự động, Đỉnh, Trung bình.
	Có chức năng điều chỉnh tông màu

STT	NỘI DUNG
2	Ống soi dạ dày thế hệ video có tính năng tiêu cự kép hoặc khuếch đại, có tính năng chẩn đoán ung thư sớm
	Có khả năng chiếu sáng với bước sóng ở dải băng hẹp hoặc bước sóng ngắn cho phép quan sát sự khác biệt các mạch máu và cấu trúc lớp niêm mạc hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.
	Có khả năng phóng đại cao lên đến tối đa ≥ 100 lần.
	Có tính năng lấy tiêu cự kép hoặc phóng đại ≥ 2 lần
	Tương thích với chức năng phát hiện các mạch máu sâu và điểm chảy máu để ngăn ngừa và điều trị xuất huyết tiêu hóa bằng cách dùng bước sóng ánh sáng màu
	Có kênh nước phụ giúp phun rửa các dịch nhầy giúp cho trường nhìn luôn rõ ràng
	Ống soi có khả năng chống thấm nước.
	Có hỗ trợ chức năng dừng hình ảnh trước tự động chọn lựa hình ảnh rõ nét nhất từ loạt hình ảnh được chụp trong khoảng thời gian đã thiết lập.
	Trường nhìn cho chế độ tiêu cự thường $\geq 140^\circ$
	Trường nhìn cho chế độ tiêu cự gần $\geq 140^\circ$ hoặc trường nhìn cho chế độ khuếch đại cơ học $\geq 55^\circ$
	Hướng quan sát: hướng nhìn thẳng
	Độ sâu của trường nhìn cho tiêu cự thường: khoảng từ $\leq 5 - \geq 100$ mm
	Độ sâu trường nhìn cho tiêu cự gần nhất: khoảng từ $\leq 2 - \geq 2.5$ mm
	Đường kính ngoài đầu cuối ống soi ≤ 10 mm
	Đường kính ngoài của thân ống soi ≤ 10 mm
	Đường kính bên trong kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm
	Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy: ≤ 3 mm
	Ống soi có ≥ 6 kênh làm việc, tối thiểu có: 1 kênh khí/nước, ưu tiên ≥ 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ và 1 kênh nước phụ
	Độ uốn cong của đầu ống soi:
	- Hướng lên $\geq 210^\circ$
	- Hướng xuống $\geq 90^\circ$
	- Hướng phải $\geq 100^\circ$
	- Hướng trái $\geq 100^\circ$
	Chiều dài làm việc: ≥ 1000 mm
	Chiều dài tổng: ≥ 1300 mm
3	Ống soi đại tràng thế hệ video có tính năng tiêu cự kép hoặc khuếch đại, có

STT	NỘI DUNG
	tính năng chẩn đoán ung thư sớm
	Có khả năng chiếu sáng với bước sóng ở dải băng hẹp hoặc bước sóng ngắn cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.
	Có khả năng phóng đại cao lên đến tối đa ≥ 90 lần.
	Có tính năng lấy tiêu cự kép hoặc phóng đại ≥ 2 lần
	Tương thích với chức năng phát hiện các mạch máu sâu và điểm chảy máu để ngăn ngừa và điều trị xuất huyết tiêu hóa bằng cách dùng bước sóng ánh sáng màu
	Có kênh nước phụ giúp phun rửa các dịch nhầy giúp cho trường nhìn luôn rõ ràng
	Ống soi có khả năng chống thấm nước.
	Có hỗ trợ chức năng dùng hình ảnh trước tự động chọn lựa hình ảnh rõ nét nhất từ loạt hình ảnh được chụp trong khoảng thời gian đã thiết lập.
	Trường nhìn cho chế độ tiêu cự thường $\geq 140^\circ$
	Trường nhìn cho chế độ tiêu cự gần $\geq 140^\circ$ hoặc trường nhìn cho chế độ khuếch đại cơ học $\geq 55^\circ$
	Hướng quan sát: hướng nhìn thẳng
	Độ sâu của trường nhìn cho tiêu cự thường: khoảng từ $\leq 5 - \geq 100$ mm
	Độ sâu trường nhìn cho tiêu cự gần nhất: khoảng từ $\leq 2 - \geq 2.5$ mm
	Đường kính ngoài đầu cuối ống soi ≤ 13.5 mm
	Đường kính ngoài của thân ống soi ≤ 13 mm
	Đường kính bên trong kênh dụng cụ ≥ 3.2 mm
	Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy: ≤ 4 mm
	Ống soi có ≥ 6 kênh làm việc, tối thiểu có: 1 kênh khí/nước, ưu tiên ≥ 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ và 1 kênh nước phụ
	Độ uốn cong của đầu ống soi:
	- Hướng lên $\geq 180^\circ$
	- Hướng xuống $\geq 180^\circ$
	- Hướng phải $\geq 160^\circ$
	- Hướng trái $\geq 160^\circ$
	Chiều dài làm việc: ≥ 1300 mm
	Chiều dài tổng: ≥ 1600 mm
4	Màn hình y tế chuyên dụng
	Kích thước: ≥ 32 inches

STT	NỘI DUNG
	Độ phân giải: $\geq 3840 \times 2160$ điểm ảnh hoặc tương đương
	Tỉ lệ màn hình: 16:9 hoặc tương đương
	Chức năng hiển thị đa hình ảnh: hình trong hình, hình ngoài hình
5	Máy hút dịch:
	Ống hút dịch có thể tiết trùng được
	Bình chứa dịch có thể tiết trùng được với van chống tràn.
	Dây điều chỉnh chân không tối đa: ≥ -0.90 Bar/ -90 kPa/ -675 mmHg
	Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa: ≥ 40 lít/phút
	Tổng dung tích bình chứa: ≥ 4 lít
	Độ ồn: ≤ 65 dB
	Chu kỳ thời gian làm việc: Hoạt động liên tục, không ngừng
IV	Yêu cầu khác
1	Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
3	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu
4	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất.
5	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 24 - 48 giờ.
6	Cam kết cung cấp đầy đủ giấy tờ xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice, Packing list, tờ khai hải quan và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị nhập khẩu. Giấy chứng nhận chất lượng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị sản xuất trong nước
7	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 8 năm sau thời gian nghiệm thu
8	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn cho thiết bị hoạt động bình thường
9	Cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật của thiết bị bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt

3/ HỆ THỐNG NỘI SOI TAI MŨI HỌNG

STT	NỘI DUNG
	HỆ THỐNG NỘI SOI TAI MŨI HỌNG
I	Yêu cầu chung
1	Năm sản xuất: 2024 trở về sau
2	Tiêu chuẩn sản xuất: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương
3	Xuất xứ máy chính: Việt Nam, các nước công nghiệp phát triển G7
4	Nguồn điện sử dụng: 200V- 240V; 50/60Hz
5	<u>Nhập khẩu theo qui định của Thông tư 30/2015/TT-BYT của Bộ Y Tế; Nghị định 98/2021 ND-CP của Chính phủ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các qui định hiện hành đối với thiết bị nhập khẩu</u>
II	Yêu cầu cấu hình
	Hệ thống nội soi Tai Mũi Họng kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
	Tên thiết bị
1	Bộ xử lý hình ảnh tích hợp hoặc kết hợp nguồn sáng hoặc tương đương: 01Bộ
2	Ống nội soi mềm tai mũi họng video: 01 Cái
3	Ống nội soi mềm tai mũi họng video có kênh dụng cụ: 01 Cái
4	Màn hình LCD ≥ 24 inch: 01 Cái
5	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ: 01 Cái
6	Xe đẩy chuyên dụng: 01 Bộ
7	Máy hút dịch: 01 cái
8	Hệ thống máy vi tính + máy in phun màu + Phần mềm in trả kết quả bệnh nhân: 01 bộ
9	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 Bộ
III	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật
1	Bộ xử lý hình ảnh tích hợp hoặc kết hợp nguồn sáng hoặc tương đương
	Bộ xử lý đi kèm với nguồn sáng LED hoặc Xenon 300W
	Điều khiển bằng màn hình cảm ứng hoặc nút bấm hoặc tương đương
	Có thể quan sát hình ảnh ở 2 chế độ: ánh sáng trắng (thông thường) và ánh sáng bước sóng ngắn
	Tín hiệu đầu ra analog tối thiểu có: Phức hợp VBS hoặc tương đương, các đầu ra có thể sử dụng đồng thời
	Tín hiệu đầu ra kỹ thuật số tối thiểu có: HD-SDI hoặc DVI hoặc tương đương

STT	NỘI DUNG
	Zoom điện tử: ≥ 3 mức đối với hình ảnh
	Có thể điều khiển được các thiết bị ngoại vi
	Có khả năng lưu trữ các định dạng hình ảnh vào bộ nhớ
	Công nghệ làm lạnh: bằng quạt
	Cường độ chiếu sáng : ≥ 3000 mW
	Phương pháp điều khiển ánh sáng tự động
	Chế độ điều chỉnh độ sáng hình ảnh: tự động và bằng tay
	Điều chỉnh độ sáng: ≥ 9 mức
	Chế độ hiệu chỉnh ánh sáng IRIS: 3 chế độ
	Lưu trữ hình ảnh bộ nhớ ngoài: USB, ổ cứng di động.
	Chỉnh tông màu:
	- Red (màu đỏ)
	- Blue (màu xanh nước biển)
	- Chroma
	Chỉnh độ tương phản ≥ 3 mức
	Có điều chỉnh tăng độ sáng tự động
	Có chức năng cài đặt tăng cường hình ảnh
	Kích thước hình ảnh nội soi: Có thể thay đổi
	Có ≥ 4 mode tỉ lệ hình ảnh có thể lựa chọn
	Có chức năng dừng hình
	Có thể hiển thị hoặc cài đặt thời gian bắt đầu và kết thúc
	Nút điều khiển tùy biến:
	- Điều khiển từ xa
	- Điều khiển bằng chân
	- Bàn phím tùy biến
	- Nút tùy biến khác
	Có chức năng giảm nhiễu
2	Ống nội soi mềm tại mũi họng video:
	Tương thích chức năng quan sát ánh sáng ở dải sóng hẹp tăng cường hiển thị các mạch máu và bề mặt cấu trúc niêm mạc hoặc tính năng phổ màu linh hoạt đa băng tần.
	Trường nhìn ống soi: $\geq 90^\circ$
	Độ sâu trường nhìn: khoảng từ ≤ 3.5 mm đến ≥ 50 mm

STT	NỘI DUNG
	Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: ≤ 5.5 mm
	Đường kính ngoài của thân ống soi: ≤ 5 mm
	Chiều dài làm việc: ≥ 300 mm
	Phạm vi uốn cong của đầu ống soi (lên/ xuống): $\geq 130^\circ/130^\circ$
	Tổng chiều dài ống soi: ≥ 500 mm
3	Ống nội soi mềm tại mũi họng video có kênh dụng cụ:
	Tương thích chức năng quan sát ánh sáng ở dải sóng hẹp tăng cường hiển thị các mạch máu và bề mặt cấu trúc niêm mạc hoặc tính năng phổ màu linh hoạt đa băng tần.
	Trường nhìn ống soi: $\geq 90^\circ$
	Độ sâu trường nhìn: khoảng từ ≤ 2 mm đến ≥ 50 mm
	Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: ≤ 5.5 mm
	Đường kính ngoài của thân ống soi: ≤ 5 mm
	Đường kính kênh dụng cụ: ≤ 2 mm
	Chiều dài làm việc: ≥ 350 mm
	Phạm vi uốn cong của đầu ống soi (lên/xuống): $\geq 130^\circ/130^\circ$
	Tổng chiều dài ống soi: ≥ 600 mm
4	Màn hình y tế chuyên dụng:
	Kích thước: ≥ 24 inches
	Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm (full HD hoặc tương đương)
	Tỉ lệ màn hình: 16:9 hoặc tương đương
	Tín hiệu ngõ vào: DVI-D, HD/SD-SDI, RGB/Composite, Y/C, BNC hoặc tương đương
	Ngõ ra: DVI-D, DC 5 V hoặc tương đương
	Chức năng hiển thị đa hình ảnh: hình trong hình, hình ngoài hình
5	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ:
	Tương thích với các ống soi trên, dùng để kiểm tra rò rỉ
IV	Yêu cầu khác
1	Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
3	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu
4	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản

STT	NỘI DUNG
	xuất.
5	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 24 - 48 giờ.
6	Cam kết cung cấp đầy đủ giấy tờ xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice, Packing list, tờ khai hải quan và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị nhập khẩu. Giấy chứng nhận chất lượng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị sản xuất trong nước
7	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 8 năm sau thời gian nghiệm thu
8	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn cho thiết bị hoạt động bình thường
9	Cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật của thiết bị bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt

4/ MÁY CẮT TIÊU BẢN

STT	NỘI DUNG
	MÁY CẮT TIÊU BẢN
I	Yêu cầu chung
1	Năm sản xuất: 2024 trở về sau
2	Tiêu chuẩn sản xuất: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương
3	Nguồn điện sử dụng: 200V- 240V; 50/60Hz (Nếu có)
4	<u>Nhập khẩu theo qui định của Thông tư 30/2015/TT-BYT của Bộ Y Tế; Nghị định 98/2021 ND-CP của Chính phủ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các qui định hiện hành đối với thiết bị nhập khẩu</u>
II	Yêu cầu cấu hình
	Máy cắt tiêu bản kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
	Tên thiết bị
1	Máy chính: 01 Máy
2	Phụ kiện tiêu chuẩn gồm:
3	Gá dùng cho lưỡi dao dùng 1 lần: 01 Chiếc
4	Lưỡi dao dùng 1 lần(50chiếc/hộp): 01 Hộp
5	Đầu định hướng: 01 Chiếc
6	Gá kẹp cassette tháo lắp nhanh : 01 Chiếc
7	Khay chứa mảnh vụn: 01 Chiếc

STT	NỘI DUNG
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 Bộ
III	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật
	Thiết kế phù hợp trong lĩnh vực sinh học, y tế hoặc công nghiệp
	Có bộ phận nạp mẫu chính xác
	Tay quay nhẹ nhàng
	Có thể thay đổi ngàm kẹp mẫu
	Có thể thay đổi mẫu vật.
	Có thể xoay 360°
	Độ dày của lát cắt có thể điều chỉnh từ $\leq 0,5$ đến $\geq 60\mu\text{m}$:
	Từ 0 đến $2\mu\text{m}$: mỗi mức chỉnh $0,5\ \mu\text{m}$
	Từ $2\mu\text{m}$ đến $10\mu\text{m}$: mỗi mức chỉnh $1\ \mu\text{m}$
	Từ $10\mu\text{m}$ đến $20\mu\text{m}$: mỗi mức chỉnh $2\mu\text{m}$
	Kích thước mẫu chuẩn: $\leq 55 \times 55\text{mm}$
IV	Yêu cầu khác
1	Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
3	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu
4	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất.
5	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 24 - 48 giờ.
6	Cam kết cung cấp đầy đủ giấy tờ xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice, Packing list, tờ khai hải quan và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị nhập khẩu. Giấy chứng nhận chất lượng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị sản xuất trong nước
7	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 8 năm sau thời gian nghiệm thu
8	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn cho thiết bị hoạt động bình thường
9	Cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật của thiết bị bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt

5/ MÁY XỬ LÝ MÔ TỰ ĐỘNG

STT	NỘI DUNG
	MÁY XỬ LÝ MÔ TỰ ĐỘNG
I	Yêu cầu chung
1	Năm sản xuất: 2024 trở về sau
2	Tiêu chuẩn sản xuất: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương
3	Xuất xứ: Việt Nam, các nước công nghiệp phát triển G7
4	Nguồn điện sử dụng: 200V- 240V; 50/60Hz
5	<u>Nhập khẩu theo qui định của Thông tư 30/2015/TT-BYT của Bộ Y Tế; Nghị định 98/2021 NDCP của Chính phủ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các qui định hiện hành đối với thiết bị nhập khẩu</u>
II	Yêu cầu cấu hình
	Máy xử lý mô tự động kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
STT	Tên thiết bị
1	Máy chính: 01 Máy
2	Phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
3	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 Bộ
III	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật
	Máy xử lý mô với hệ thống gia nhiệt vi sóng, gia nhiệt điện trở hoặc tương đương
	Công suất xử lý ≥ 300 cassettes
	Có chế độ chạy trễ cho chương trình xử lý mô
	Có chương trình xử lý mẫu dày
	Có chương trình làm sạch
	Có cảm biến an toàn hoặc giải pháp tương đương
	Có cảm biến mức hóa chất ở buồng xử lý mô hoặc buồng ngấm mô hoặc buồng sắp hoặc có giải pháp tương đương
	Có chức năng khuấy trộn hóa chất
	Sử dụng trực tiếp bình hóa chất thương mại trong máy
	Hóa chất tối thiểu: formalin, xylene, ethanol,...
	Màn hình cảm ứng ≥ 8 inch
	Có cổng USB
	Tối thiểu có cổng kết nối mạng LAN

STT	NỘI DUNG
IV	Yêu cầu khác
1	Thời gian giao hàng: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
3	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu
4	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất.
5	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 24 - 48 giờ.
6	Cam kết cung cấp đầy đủ giấy tờ xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice, Packing list, tờ khai hải quan và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị nhập khẩu. Giấy chứng nhận chất lượng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị sản xuất trong nước
7	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 8 năm sau thời gian nghiệm thu
8	Cam kết cung cấp đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn cho thiết bị hoạt động bình thường
9	Cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật của thiết bị bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt



PHỤ LỤC 04
Mẫu báo giá của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng
(Đính kèm Công văn số 1577/BVUBĐN-VTTBYT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

Tên công ty.....

Địa chỉ/ văn phòng đại diện/ trụ sở chính:.....

Email:....

SĐT:

Mã số thuế:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng. Công ty.....xin Báo giá dịch vụ tư vấn đến Quý bệnh viện như sau:

TT	Tên dịch vụ	Nội dung công việc cụ thể	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT (đồng)	Thành tiền có VAT (đồng)	Ghi chú
1							
2							
	Tổng cộng						

(Số tiền bằng chữ)

Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại phí, lệ phí (nếu có).

Báo giá có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày 29/11/2024.

Trân trọng./.

Đại diện của đơn vị báo giá

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)